Dectancyl® 0,5 mg

Dexamethason acetat 0,5 mg

Kháng viêm hiệu quả

Tài liệu thông tin cho cán bộ y tế

THÔNG TIN TÓM TẮT SẢN PHẨM

THÀNH PHẦN: Dexamethason acetat 0,5 mg. Tá dược: v.đ 1 viên. **DẠNG TRÌNH BÀY:** Hộp 2 vỉ x 15 viên nén. **CHỈ ĐỊNH:** Bệnh thấp khớp: thấp khớp cấp, viêm đa khớp dạng thấp, đau thần kinh cổ - cánh tay nặng. Bệnh chất tạo keo: lupus đỏ, viêm da cơ, viêm mạch máu, viêm hạch nội tạng. Bệnh da: pemphigus, viêm da dạng bóng nước, bướu máu ở trẻ sơ sinh, lichen phẳng, bệnh da bạch cầu trung tính thể nặng, mày đay thể cấp. Bệnh về mắt: viêm màng bồ đào, lồi mắt. Bệnh đường hô hấp: cơn suyễn kịch phát, suyễn dai dẳng bất trị với khí dung liều cao, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính. Bệnh về máu: bệnh miễn dịch nặng có ban xuất huyết do giảm tiểu cầu, thiếu máu tán huyết do tự miễn, giảm hồng cầu mạn tính. Bệnh ung thư: trong điều trị triệu chứng chống nôn, kháng viêm, phù do hóa trị hoặc xạ trị ung thư. Bệnh đường ruột: viêm loét kết tràng – ruột non, viêm gan mạn tính tiến triển do tự miễn, viêm gan nguy cấp do rượu có hình ảnh mô học. **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:** Đa số bệnh nhiễm khuẩn. Một số bệnh nhiễm siêu vi đang tiến triển (viêm gan siêu vi, herpes, thủy đậu, zona). Loạn tâm thần chưa kiểm soát. Tiêm chủng với vaccin sống. Tiền sử dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc. **LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:** Thuốc uống. Trẻ em: Không được nuốt nguyên viên, nghiền viên thuốc và trộn với thức ăn. Liều tấn công: 0,075-0,3 mg/kg/ngày, (4-15 viên cho trẻ 25 kg). Chia làm 2 lần. Liều duy trì: 0,03 mg/kg/ngày (1-2 viên cho trẻ 25 kg). Uống 1 lần vào bữa ăn sáng. Người lớn: Liều tấn công: 0,05-0,2 mg/kg/ngày (6-24 viên cho người 60 kg). Chia làm 2 lần. Liều duy trì: 0,5-1,5 mg/ngày (1-3 viên mỗi ngày). Uống 1 lần vào bữa ăn sáng. **THẬN TRỌNG KHI DÙNG:** Bệnh nhân mới tiêm chủng, loét đường tiêu hóa, bệnh đường ruột, phẫu thuật ruột, tiểu đường, cao huyết áp, nhiễm khuẩn (đặc biệt tiền sử lao phổi), suy gan, suy thận, loãng xương, nhược cơ nặng (bắp cơ bị mỏi). Bệnh galactose huyết bẩm sinh, hội chứng kém hấp thu glucose hoặc galactose (Do thuốc có chứa lactose). Tránh tiếp xúc với bệnh nhân thủy đậu hoặc sởi. **PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:** Chỉ nên dùng thuốc khi cần thiết. **TƯƠNG TÁC THUỐC:** Không kết hợp với: astemizol, bepridil, erythromycin tiêm tĩnh mạch, halophantrin, pentamidin, sparloxacin, sultoprid, vincamin. Các barbiturat, phenytoin, rifampicin, rifabutin, carbamazepin, ephedrin, aminoglutethimid có thể làm giảm tác dụng điều trị của corticosteroid. Corticosteroid đối kháng tác dụng của các thuốc hạ đường huyết, thuốc hạ huyết áp và thuốc lợi tiểu. Dùng corticosteroid liều cao và kéo dài hơn 10 ngày kết hợp với các chất chống đông có thể làm tăng nguy cơ xuất huyết. **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:** Hay gặp: Sưng phù và đỏ mặt, tăng trọng cơ thể, xuất hiện các vết thâm, loét dạ dày , xuất huyết, tăng huyết áp, kích động, rối loạn giấc ngủ, xương dòn, đứt gân khi dùng cùng với fluoroquinolon, thay đổi một số thông số xét nghiệm (muối, đường, kali). Hiếm gặp: giảm tiết của tuyến thượng thận, rối loạn tăng trưởng trẻ em, rối loạn kinh nguyệt, cơ suy yếu, loét hoặc rối loạn đường tiêu hóa, rối loạn da, bệnh glocom (tăng nhãn áp trong mắt) và cườm (đục thủy tinh thể). **SỬ DỤNG QUÁ LIỀU:** Điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng. **BẢO QUẢN:** Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. **HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản xuất theo TCCS. SĐK: VD- 11979-10

Sản xuất tại Công ty **ROUSSEL VIỆT NAM** - Số 1, đường số 3, KCN Việt Nam Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam

Mọi chi tiết xin liên hệ: Công ty **ROUSSEL VIỆT NAM** - 702 Trường Sa, P.14, Q.3, Tp HCM - ĐT: (08) 39 31 55 18 - Fax: (08) 39 31 55 20

Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo thuốc của CQLD-BYT: Ngày in tài liệu:

ROUSSEL VIETNAM

www.rousselvietnam.com.vn

CÔNG TY ROUSSEL VIỆT NAM